TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19- 4- 2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng
Ông Vũ Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:17/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc " Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2022/ QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh ngày 15/4/1986
Trú tại: Thôn 4, Làng Mỹ Thịnh, xã N, huyện N, tỉnh T
(Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Mai Công T - sinh ngày 05/6/1981
Trú tại: Số 68 Lê Đại Hành, tổ 1, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và bản tự khai nguyên đơn- chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Mai Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Thiện, huyện N, tỉnh T ngày 12/4/2021. Quá trình chung sống từ khi kết hôn hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, xung đột gia đình, cuộc sống luôn rơi vào tình trạng bế tắc, ngột ngạt. Anh T có những lời lẽ xúc phạm, nhục mạ về tinh thần đối với chị. Bắt đầu từ tháng 7/2021 vợ chồng chị đã ly thân mỗi người một nơi, chị về nhà ngoại ở Nga Thiện ở và hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Nay thực sự vợ chồng

không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Công T.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 01/3/2022 anh Mai Công T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Thiện, huyện Ng ngày 12/4/2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Nay nếu chị Thêu làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. .

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh T có chuyển cho chị T số tiền 20.000.000đ, tuy nhiên vợ chồng tự thỏa thuận phân chia anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 28/3/2022 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo số: 17/TB-TA ngày 21/3/2022. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị T và anh Mai Công T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên anh T, chị T đều vắng mặt tại phiên họp có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã B tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T và anh Mai Công T đều có đơn đề nghị xét xử vụ án ly hôn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Mai Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Công T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng rơi vào tình trạng bế tắc, ngột ngạt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. HĐXX xét thấy, anh T, chị T cưới nhau được 3 tháng thì vợ chồng đã ly thân, mạnh ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Công T là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 16/02/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005074. Như vậy, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự

- Điều 56, 57/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

* Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Công T.

* Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 16/02/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005074. Như vậy, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Mai Công T. Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã B;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã N(ĐK 12/4/2021)*
- *THA Dân sự thị xã B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA